

ĐỔI MỚI GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THÔNG QUA ÂM NHẠC TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trần Thị Minh Thư

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Email: tranthiminhtu@dentu.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển mạnh sang mô hình lấy người học làm trung tâm, việc đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trở thành yêu cầu cấp thiết. Thực tế cho thấy nhiều sinh viên thiếu động lực học tập, gặp khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng, phát âm và phát triển kỹ năng nghe khi tiếp cận các phương pháp giảng dạy truyền thống. Âm nhạc, với đặc trưng giàu cảm xúc, nhịp điệu và khả năng lặp lại tự nhiên, được xem là một công cụ sư phạm hiệu quả trong dạy và học ngoại ngữ. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của việc tích hợp âm nhạc vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Văn Lang. Nghiên cứu được tiến hành với 100 sinh viên, sử dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp bảng hỏi khảo sát và bài kiểm tra trước – sau can thiệp. Kết quả cho thấy phương pháp giảng dạy có tích hợp âm nhạc giúp nâng cao đáng kể động lực học tập, khả năng ghi nhớ từ vựng và độ chính xác trong phát âm của sinh viên. Tuy nhiên, hiệu quả của phương pháp phụ thuộc lớn vào việc lựa chọn bài hát phù hợp với trình độ và mục tiêu bài học. Nghiên cứu góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho việc đổi mới giảng dạy tiếng Anh trong giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Anh, âm nhạc, sinh viên không chuyên ngữ, giáo dục đại học, động lực học tập

INNOVATIVE APPROACHES TO ENGLISH LANGUAGE TEACHING THROUGH MUSIC IN HIGHER EDUCATION

Abstract: This study examines the effects of integrating music into English instruction for non-English majors in Vietnamese higher education. Many university students report low motivation and face difficulties in vocabulary retention, pronunciation accuracy, and listening comprehension when learning through traditional, teacher-centered approaches. Music, with its emotional engagement, rhythm, and natural repetition, offers a pedagogical resource that supports language exposure and practice in a meaningful context. The research involved 100 non-English majors at Van Lang University (A2–B1 level) and adopted a mixed-method design, combining questionnaires with a pre-test and post-test intervention. Quantitative findings indicate clear improvements in vocabulary, pronunciation, listening performance, and learning interest after the music-integrated lessons. Qualitative feedback also suggests that students felt less anxious and more engaged during class activities. The study highlights that effectiveness depends on selecting songs aligned with learners' proficiency and lesson objectives, and on designing structured language tasks rather than using songs as entertainment. The findings provide empirical support for innovative English teaching practices in Vietnamese university contexts.

Keywords: English teaching, music, non-English majors, higher education, learning motivation

Nhận bài: 26.12.2025

Phản biện: 19.01.2026

Duyệt đăng: 24.01.2026

I. MỞ ĐẦU

Tiếng Anh giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam, đặc biệt khi người học cần đáp ứng yêu cầu học tập, việc làm và giao tiếp trong môi trường hội nhập. Dù vậy, nhiều sinh viên không chuyên ngữ xem tiếng Anh là học phần bắt buộc hơn là một năng lực cần phát triển lâu dài.

Một nguyên nhân phổ biến xuất phát từ cách tổ chức dạy học còn thiên về truyền thụ kiến thức, dành ít thời lượng cho trải nghiệm, tương tác và cảm xúc của người học. Trong khi đó, các tiếp cận dạy học hiện đại nhấn mạnh vai trò của người học như chủ thể trung tâm, coi động lực và mức độ tham gia là yếu tố quyết định hiệu quả tiếp thu (Harmer, 2015; Richards & Rodgers, 2014).

Âm nhạc là một phương tiện giàu tính cảm xúc, có nhịp điệu, có tính lặp lại tự nhiên, và thường gắn với bối cảnh đời sống. Nếu giảng viên thiết kế

hoạt động phù hợp, bài hát có thể hỗ trợ sinh viên luyện nghe, mở rộng từ vựng, cải thiện phát âm, và tăng sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung đánh giá tác động của việc tích hợp âm nhạc vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Văn Lang.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài tập trung vào việc đo lường hiệu quả của phương pháp tích hợp âm nhạc trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ. Cụ thể, nghiên cứu đánh giá mức độ thay đổi của người học về ba năng lực cốt lõi gồm ghi nhớ từ vựng, độ chính xác trong phát âm và khả năng nghe hiểu trước và sau khi tham gia các hoạt động học tập có sử dụng bài hát. Đồng thời, nghiên cứu xem xét sự chuyển biến về mặt thái độ học tập, thể hiện qua mức độ hứng thú và động lực của sinh viên trong quá trình

học tiếng Anh. Bên cạnh đó, đề tài cũng phân tích phản hồi từ người học nhằm nhận diện các yếu tố thuận lợi, khó khăn và điều kiện cần thiết để triển khai phương pháp này hiệu quả trong bối cảnh giáo dục đại học.

Từ các mục tiêu trên, nghiên cứu xây dựng ba câu hỏi nhằm làm rõ tác động và tính phù hợp của việc ứng dụng âm nhạc trong lớp học tiếng Anh. Thứ nhất, việc tích hợp âm nhạc có tạo ra sự cải thiện rõ rệt về kết quả học tập của sinh viên không chuyên ngữ hay không, thể hiện qua điểm số và mức tiến bộ về từ vựng, phát âm và nghe hiểu. Thứ hai, phương pháp này tác động như thế nào đến động lực và hứng thú học tập của sinh viên, bao gồm cảm giác tự tin, mức độ tham gia vào hoạt động lớp và sự chủ động trong học tập. Thứ ba, sinh viên đánh giá ra sao về các điểm mạnh và hạn chế khi học tiếng Anh qua bài hát.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Lý thuyết học tập lấy người học làm trung tâm

Lý thuyết học tập lấy người học làm trung tâm hình thành trên nền tảng của các quan điểm giáo dục hiện đại, coi người học là chủ thể tích cực trong quá trình kiến tạo tri thức. Theo tiếp cận này, tri thức không được truyền đạt một chiều từ giảng viên sang sinh viên mà được hình thành thông qua hoạt động, trải nghiệm, tương tác và tự phản tư của người học. Giảng viên giữ vai trò định hướng, thiết kế môi trường học tập, tổ chức hoạt động phù hợp, hỗ trợ chiến lược học tập và cung cấp phản hồi kịp thời nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực học tập bền vững.

Trong bối cảnh giáo dục đại học, dạy học lấy người học làm trung tâm đặc biệt phù hợp với yêu cầu đào tạo theo năng lực, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Thay vì tập trung vào việc ghi nhớ máy móc, cách tiếp cận này khuyến khích sinh viên tham gia vào các nhiệm vụ mang tính giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, tự đánh giá và hợp tác học tập.

Trong dạy học ngoại ngữ, tiếp cận lấy người học làm trung tâm có ý nghĩa quan trọng do đặc thù của việc học ngôn ngữ gắn liền với thực hành và sử dụng. Richards và Rodgers (2014) cho rằng người học chỉ có thể phát triển năng lực giao tiếp khi được tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ trong các bối cảnh có ý nghĩa và được tạo điều kiện để sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động. Harmer (2015) cũng nhấn mạnh rằng lớp học ngoại ngữ hiệu quả cần tạo ra nhiều cơ hội cho

người học nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống gần với giao tiếp thực tế.

2.2. Vai trò của âm nhạc trong dạy học ngoại ngữ

Âm nhạc từ lâu đã được công nhận là một công cụ hỗ trợ hiệu quả trong giáo dục nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. Trong ngôn ngữ học ứng dụng, bài hát được xem là nguồn đầu vào ngôn ngữ giàu ngữ cảnh, kết hợp đồng thời yếu tố âm thanh, nhịp điệu, ngữ điệu và cảm xúc.

Một trong những lợi thế nổi bật của âm nhạc là khả năng hỗ trợ ghi nhớ. Nhịp điệu và giai điệu tạo điều kiện cho việc lặp lại ngôn ngữ một cách tự nhiên. Nhiều nghiên cứu cho thấy người học dễ nhớ lời bài hát và các cấu trúc ngôn ngữ đi kèm nhờ sự kết hợp giữa âm thanh và cảm xúc.

Bên cạnh đó, âm nhạc đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện phát âm và ngữ điệu. Thông qua việc nghe và hát theo bài hát, người học có cơ hội tiếp xúc với trọng âm, nối âm, nuốt âm và ngữ điệu câu trong tiếng Anh. Harmer (2015) cho rằng việc luyện phát âm thông qua bài hát giúp người học cảm nhận được nhịp điệu tự nhiên của ngôn ngữ.

Âm nhạc cũng góp phần tạo ra môi trường luyện nghe đa dạng. Bài hát mang đến nhiều giọng đọc, tốc độ và phong cách khác nhau, giúp người học làm quen với sự phong phú của tiếng Anh thực tế. Khi giảng viên thiết kế nhiệm vụ nghe phù hợp, sinh viên có thể rèn luyện kỹ năng nghe từ mức độ tổng quát đến chi tiết.

Tuy nhiên, hiệu quả của việc sử dụng âm nhạc phụ thuộc lớn vào cách tổ chức dạy học. Nếu bài hát chỉ được sử dụng như hoạt động giải trí, người học khó đạt được mục tiêu ngôn ngữ rõ ràng. Ngược lại, khi bài hát được tích hợp vào chuỗi hoạt động có định hướng, từ nghe hiểu, khai thác ngôn ngữ đến vận dụng, âm nhạc trở thành công cụ sư phạm hỗ trợ mạnh mẽ cho quá trình học ngoại ngữ.

2.3. Động lực học tập trong học tiếng Anh

Động lực học tập được xem là yếu tố then chốt quyết định mức độ tham gia, nỗ lực và kết quả học tập của người học. Trong học ngoại ngữ, động lực càng có vai trò quan trọng do việc học đòi hỏi thời gian dài, sự kiên trì và luyện tập thường xuyên. Sinh viên không chuyên ngữ thường gặp khó khăn trong việc duy trì động lực học tiếng Anh.

Theo Schunk, Meece và Pintrich (2014), động lực học tập chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong

đó nổi bật là cảm nhận về năng lực bản thân, mục tiêu học tập và trải nghiệm thành công. Khi người học tin rằng họ có khả năng hoàn thành nhiệm vụ và nhận thấy kết quả tích cực từ nỗ lực của mình, động lực nội tại sẽ được củng cố. Ngược lại, trải nghiệm thất bại lặp đi lặp lại dễ dẫn đến tâm lý né tránh và giảm hứng thú học tập.

Các hoạt động học tập giàu tương tác và gắn với cảm xúc có xu hướng tạo ra động lực tích cực. Khi sinh viên cảm thấy thoải mái, ít căng thẳng và được khuyến khích tham gia, họ sẵn sàng thử nghiệm, mắc lỗi và học hỏi từ sai sót.

Âm nhạc có khả năng tác động trực tiếp đến cảm xúc, do đó có tiềm năng lớn trong việc nâng cao động lực học tập. Việc học tiếng Anh qua bài hát giúp giảm áp lực học thuật, tạo không khí lớp học tích cực và khuyến khích sinh viên tham gia một cách tự nhiên.

2.4. Các nghiên cứu liên quan

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến hiệu quả của việc sử dụng âm nhạc trong dạy học ngoại ngữ. Kết quả chung cho thấy bài hát có tác động tích cực đến ghi nhớ từ vựng, phát âm và thái độ học tập của người học, đặc biệt ở trình độ cơ bản và trung cấp.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng tác động của âm nhạc mạnh hơn khi giảng viên kết hợp bài hát với nhiệm vụ học tập cụ thể. Các hoạt động như điền khuyết lời bài hát, nhận diện trọng âm, phân tích cụm từ, hoặc luyện nói theo nội dung bài hát. Ngoài ra, việc yêu cầu sinh viên vận dụng từ vựng hoặc cấu trúc từ bài hát vào nói và viết giúp củng cố kiến thức và tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ.

Tuy vậy, một số nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế khi áp dụng phương pháp này. Người học có thể gặp khó khăn nếu bài hát có tốc độ nhanh, phát âm không rõ hoặc chứa nhiều yếu tố ngôn ngữ vượt trình độ. Do đó, việc lựa chọn bài hát phù hợp và thiết kế hoạt động theo mức độ là điều kiện quan trọng để đảm bảo hiệu quả giảng dạy.

2.5. Khung lý thuyết của nghiên cứu

Thứ nhất, dạy học lấy người học làm trung tâm được sử dụng làm định hướng chung trong việc tổ chức hoạt động học tập, nhằm tăng mức độ tham gia và chủ động của sinh viên. Thứ hai, lý thuyết đa trí tuệ của Gardner (2011) được vận dụng để lý giải vai trò của âm nhạc như một kênh tiếp nhận và biểu đạt phù hợp với sự đa dạng phong cách học tập của sinh viên. Việc kết hợp âm thanh, lời ca và cảm xúc tạo điều kiện cho nhiều dạng trí tuệ được kích hoạt trong quá trình học. Thứ ba, lý

thuyết động lực học tập được sử dụng để phân tích mối liên hệ giữa trải nghiệm học tập tích cực, cảm xúc, mức độ tham gia và kết quả học tập của sinh viên (Schunk et al., 2014).

Khung lý thuyết này cho phép nghiên cứu xem xét tác động của việc tích hợp âm nhạc không chỉ ở khía cạnh kết quả học tập mà còn ở khía cạnh tâm lý và động lực. Từ đó, nghiên cứu hướng tới việc đánh giá toàn diện hiệu quả của phương pháp trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ ở giáo dục đại học.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp (mixed methods) nhằm đánh giá toàn diện tác động của việc tích hợp âm nhạc vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ. Phần định lượng được triển khai theo mô hình trước và sau can thiệp (pre-test và post-test) để đo sự thay đổi về kết quả học tập của người học ở các kỹ năng trọng tâm. Song song, phần định tính tập trung phân tích phản hồi của sinh viên nhằm làm rõ trải nghiệm học tập, mức độ tham gia và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của phương pháp.

3.2. Đối tượng và thu thập dữ liệu

Đối tượng nghiên cứu gồm 100 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Văn Lang, thuộc nhiều ngành đào tạo khác nhau. Trình độ tiếng Anh của nhóm đối tượng dao động từ A2 đến B1, phù hợp để triển khai hoạt động học bằng bài hát ở mức cơ bản đến trung cấp. Dữ liệu được thu thập thông qua ba công cụ chính. Thứ nhất, bài kiểm tra trước và sau can thiệp nhằm đánh giá từ vựng, phát âm và nghe hiểu. Thứ hai, bảng hỏi khảo sát mức độ hứng thú và động lực học tập theo thang đo 5 mức, phản ánh sự thay đổi về thái độ học tập trước và sau khi áp dụng phương pháp. Thứ ba, phản hồi mở được thu thập nhằm ghi nhận cảm nhận của sinh viên về mức độ dễ tiếp cận, những điểm tích cực và khó khăn khi học tiếng Anh qua bài hát.

3.3. Mô tả can thiệp dạy học tích hợp âm nhạc

Ở bước 1 (5–10 phút), giảng viên khởi động bằng cách giới thiệu chủ đề bài học và mục tiêu ngôn ngữ, gồm từ vựng trọng tâm, điểm phát âm cần luyện, và dạng nhiệm vụ nghe.

Ở bước 2 (25–30 phút), sinh viên thực hiện hoạt động nghe và xử lý ngôn ngữ. Nghe lần 1 tập trung vào hiểu tổng thể, xác định ý chính hoặc thái độ nội dung. Nghe lần 2 tập trung vào nghe chi tiết thông qua các nhiệm vụ như điền từ, sắp xếp

câu hoặc nhận diện thông tin. Sau đó, giảng viên khai thác ngôn ngữ bằng cách giải thích từ vựng theo ngữ cảnh, chỉ ra cụm từ hữu ích và cấu trúc câu quan trọng.

Ở bước 3 (15–20 phút), sinh viên mở rộng và vận dụng kiến thức qua hoạt động nói theo cặp hoặc nhóm, tóm tắt nội dung bài hát, nêu cảm nhận và liên hệ bản thân. Sinh viên cũng thực hiện viết ngắn từ 3 đến 5 câu có dùng từ mới hoặc viết lại một câu trong bài theo cách khác. Cuối buổi, giảng viên đưa phản hồi và sửa lỗi phát âm, dùng từ theo tiêu chí rõ ràng. Việc lựa chọn bài

Bảng 1. So sánh kết quả học tập trước và sau can thiệp

Tiêu chí đánh giá	Trước can thiệp	Sau can thiệp
Điểm từ vựng (TB/10)	5,8	7,4
Điểm phát âm (TB/10)	6,0	7,6
Kỹ năng nghe (TB/10)	5,6	7,2
Mức độ hứng thú học tập	2,9/5	4,1/5

Kết quả trong Bảng 1 cho thấy điểm trung bình của sinh viên tăng rõ rệt ở tất cả các tiêu chí sau giai đoạn can thiệp. Đáng chú ý, ba kỹ năng ngôn ngữ cốt lõi gồm từ vựng, phát âm và nghe hiểu đều có mức tăng đồng đều là 1,6 điểm.

Ở khía cạnh thái độ học tập, mức độ hứng thú

hát tuân theo các nguyên tắc: tốc độ vừa phải, phát âm tương đối rõ, nội dung phù hợp môi trường giáo dục, từ vựng phù hợp A2–B1 và có đoạn điệp khúc dễ lặp.

3.4. Quy trình phân tích dữ liệu

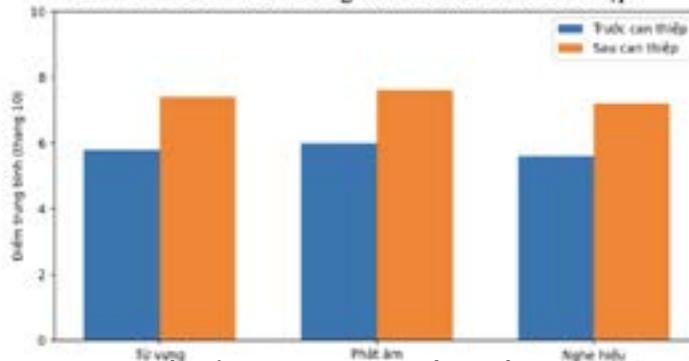
Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả và so sánh điểm trung bình trước và sau can thiệp theo từng tiêu chí. Dữ liệu định tính được phân tích theo hướng mã hóa chủ đề từ phản hồi mở.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả định lượng

tăng từ 2,9 lên 4,1 trên thang 5 điểm, phản ánh sự chuyển biến tích cực về động lực và mức độ tham gia của sinh viên trong giờ học. Sự gia tăng này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh sinh viên không chuyên ngữ thường thiếu động lực và dễ chán nản khi học tiếng Anh theo phương pháp truyền thống.

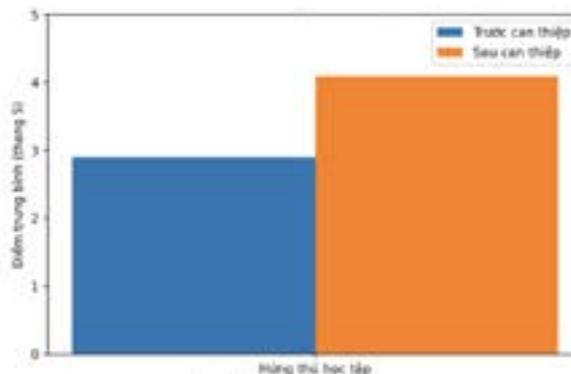
Hình 1. So sánh điểm trung bình trước và sau can thiệp



Biểu đồ cột thể hiện sự khác biệt về điểm trung bình trước và sau can thiệp ở ba kỹ năng: từ vựng, phát âm và nghe hiểu. Kết quả cho thấy cột “Sau can thiệp” cao hơn rõ rệt ở cả ba tiêu chí, phản ánh mức tiến bộ

đồng đều của sinh viên sau khi học tiếng Anh tích hợp âm nhạc. Điểm trung bình tăng 1,6 điểm ở mỗi kỹ năng cho thấy phương pháp tác động cùng lúc đến nhiều thành tố của năng lực ngôn ngữ.

Hình 2. So sánh mức độ hứng thú học tập trước và sau can thiệp



Biểu đồ cột mô tả sự thay đổi về mức độ hứng thú học tập của sinh viên trước và sau can thiệp theo thang đo 5 mức. Kết quả cho thấy mức hứng thú tăng từ 2,9 lên 4,1, thể hiện sự cải thiện rõ rệt về thái độ và mức độ tham gia của người học trong giờ tiếng Anh. Khi sinh viên cảm thấy thoải mái hơn, họ chủ động thực hiện nhiệm vụ nghe, phát âm và sử dụng từ vựng trong hoạt động nói, viết. Hình 2 cho thấy yếu tố cảm xúc có vai trò quan trọng trong việc duy trì động lực học ngoại ngữ.

Hai biểu đồ cho thấy xu hướng tăng nhất quán ở tất cả các tiêu chí, trong đó cột “Sau can thiệp” luôn cao hơn rõ rệt so với “Trước can thiệp”. Điều này củng cố kết quả từ bảng số liệu và giúp minh họa trực quan tác động của phương pháp dạy học tích hợp âm nhạc.

4.2. Kết quả định tính

Thứ nhất, tăng hứng thú và giảm căng thẳng. Phần lớn sinh viên cho rằng không khí lớp học trở nên thoải mái hơn khi có âm nhạc. Sinh viên cảm thấy dễ tham gia hoạt động, ít áp lực hơn khi nghe và nói tiếng Anh.

Thứ hai, hỗ trợ ghi nhớ từ vựng. Nhiều sinh viên nhấn mạnh việc ghi nhớ cụm từ và mẫu câu dễ dàng hơn khi gắn với giai điệu, đặc biệt là các cụm từ lặp lại trong điệp khúc. Khi được yêu cầu sử dụng lại từ mới trong hoạt động nói hoặc viết, sinh viên nhận thấy khả năng nhớ và vận dụng tăng lên rõ rệt.

Thứ ba, cải thiện phát âm và nhịp điệu câu. Sinh viên cho rằng việc nghe bài hát nhiều lần giúp họ nhận diện rõ hơn nối âm, trọng âm và ngữ điệu. Việc luyện theo điệp khúc tạo cảm giác an toàn, giúp sinh viên tự tin hơn khi đọc hoặc nói trước lớp.

Thứ tư, khó khăn về tốc độ và độ rõ của lời hát. Một số sinh viên phản ánh bài hát có tốc độ nhanh hoặc cách phát âm luyện gây khó khăn trong việc nghe chi tiết. Sinh viên đề xuất sử dụng bản acoustic, giảm tốc độ hoặc cung cấp lyric rõ ràng để hỗ trợ quá trình học.

4.3. Thảo luận

Kết quả định lượng và định tính cho thấy việc tích hợp âm nhạc hỗ trợ đầu vào ngôn ngữ theo cách tự nhiên, có tính lặp và giàu cảm xúc. Việc thiết kế nhiệm vụ nghe theo trình tự từ tổng quát đến chi tiết giúp sinh viên xử lý thông tin nhiều lần.

Sự gia tăng đáng kể về hứng thú học tập cho thấy yếu tố cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia của người học. Trải nghiệm học tập tích cực giúp sinh viên duy trì nỗ lực

và hình thành niềm tin vào năng lực bản thân, phù hợp với lý thuyết động lực học tập của Schunk, Meece và Pintrich. Đồng thời, việc khai thác bài hát thông qua nhiều dạng hoạt động đáp ứng sự đa dạng phong cách học tập, phù hợp với tiếp cận đa trí tuệ của Gardner.

Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra rằng hiệu quả của phương pháp phụ thuộc lớn vào việc lựa chọn bài hát và cách tổ chức hoạt động. Do đó, giảng viên cần xác định mục tiêu rõ ràng, lựa chọn bài hát phù hợp và thiết kế nhiệm vụ theo tiến trình hợp lý để phát huy tối đa giá trị sư phạm của âm nhạc trong giảng dạy tiếng Anh.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Nghiên cứu tập trung đánh giá tác động của việc tích hợp âm nhạc vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Văn Lang thông qua thiết kế trước và sau can thiệp, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính. Điểm trung bình của cả ba kỹ năng đều tăng 1,6 điểm sau can thiệp. Bên cạnh đó, mức độ hứng thú học tập của sinh viên tăng từ 2,9 lên 4,1 trên thang đo 5 mức, phản ánh sự chuyển biến tích cực về thái độ học tập và mức độ tham gia vào hoạt động trên lớp.

Kết quả định tính làm rõ thêm nguyên nhân của sự tiến bộ này. Phần lớn sinh viên đánh giá cao môi trường học tập có âm nhạc vì tạo cảm giác thoải mái, giảm áp lực. Sinh viên cũng ghi nhận việc ghi nhớ cụm từ và mẫu câu trở nên dễ hơn khi ngôn ngữ gắn với giai điệu và nhịp điệu, đặc biệt ở các phần điệp khúc có tính lặp.

Từ các bằng chứng trên, nghiên cứu khẳng định âm nhạc không chỉ đóng vai trò “tạo không khí lớp học”, mà còn là một học liệu hỗ trợ đầu vào ngôn ngữ theo hướng tự nhiên, giàu ngữ cảnh và tạo điều kiện lặp lại. Khi giảng viên triển khai bài hát theo quy trình sư phạm rõ ràng, sinh viên có cơ hội tiếp nhận, xử lý và thực hành ngôn ngữ nhiều lần, từ đó nâng cao kết quả học tập.

5.2. Khuyến nghị triển khai trong giảng dạy

Thứ nhất, giảng viên cần lựa chọn bài hát phù hợp trình độ và mục tiêu bài học. Với sinh viên A2-B1, bài hát nên có tốc độ vừa phải, lời hát tương đối rõ, nội dung gần gũi và an toàn trong môi trường giáo dục.

Thứ hai, giảng viên nên thiết kế hoạt động theo hướng học tập lấy người học làm trung tâm. Thay vì dừng ở “nghe cho vui”, giảng viên cần đặt nhiệm vụ nghe rõ ràng, tổ chức nghe lần 1 theo

mục tiêu tổng thể (ý chính, thái độ), nghe lần 2 theo mục tiêu chi tiết (điền từ, sắp xếp câu, nhận diện thông tin). Sau nghe, giảng viên cần khai thác từ vựng theo ngữ cảnh, hướng dẫn sinh viên nhận diện cụm từ, cấu trúc câu, và tổ chức hoạt động vận dụng để sinh viên dùng lại ngôn ngữ vừa học.

Thứ ba, giảng viên cần tích hợp luyện phát âm có trọng tâm. Sinh viên phản ánh hiệu quả rõ khi được hướng dẫn trọng âm, nối âm và ngữ điệu theo câu trong bài hát. Do đó, giảng viên nên dành thời lượng ngắn nhưng đều đặn để sinh viên luyện theo cụm từ, theo câu, rồi luyện theo đoạn.

Thứ tư, nhà trường nên xây dựng ngân hàng học liệu âm nhạc theo cấp độ và chủ đề. Ngân hàng này nên kèm lyric chuẩn, bản nghe rõ, hoạt động gợi ý, và tiêu chí khai thác ngôn ngữ. Việc chuẩn hóa học liệu giúp giảng viên triển khai

thống nhất, tiết kiệm thời gian chuẩn bị, đồng thời nâng cao chất lượng dạy học.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu tập trung vào 100 sinh viên tại một cơ sở đào tạo, nên phạm vi khái quát còn giới hạn. Nghiên cứu cũng chưa phân tích sâu sự khác biệt theo nhóm ngành học, mức trình độ đầu vào, hoặc thói quen nghe nhạc của sinh viên. Trong giai đoạn tiếp theo, các nghiên cứu có thể mở rộng kích thước mẫu, so sánh theo nhóm trình độ, hoặc thực hiện theo thời gian dài hơn để đánh giá tác động bền vững. Ngoài ra, nghiên cứu tương lai nên đo thêm các biến số như mức độ tự tin khi nói, tần suất tự học ngoài lớp, hoặc khả năng ghi nhớ sau một khoảng thời gian nhất định để làm rõ hơn cơ chế tác động của âm nhạc đối với việc học ngoại ngữ trong bối cảnh đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gardner, H. (2011). *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*. Basic Books.
- Harmer, J. (2015). *How to teach English*. Longman.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and methods in language teaching* (3rd ed.). Cambridge University Press.
- Schunk, D. H., Meece, J. L., & Pintrich, P. R. (2014). *Motivation in education: Theory, research, and applications* (4th ed.). Pearson.